TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/2026/QĐST - HNGĐ H*, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 471/2026/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: anh Phạm Xuân T, sinh năm 1984

Bị đơn: chị Tô Thị Phương T1, sinh năm 1994

Đều ở địa chỉ: thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

***1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*:** Anh Phạm Xuân T và chị Tô Thị Phương T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh Phạm Xuân T và chị Tô Thị Phương T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T, chị T1 có 01 con chung là Phạm Xuân P, sinh ngày 06/9/2014. Anh T, chị T1 thoả thuận giao cho anh T trực tiếp nuôi con, chị T1 cấp dưỡng nuôi con cùng anh T là 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 08/2026 đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Trương Hà V, sinh ngày 01/01/2024 chị T1 sinh con trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24/8/2026 của Hội đồng khoa học Công ty E kết luận: giữa anh Phạm Xuân T với cháu Trương Hà V không có quan hệ huyết thống Cha-con. Vì vậy xác định cháu Trương Hà V là con riêng của chị T1, chị T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu V hoàn toàn.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001041 ngày 20/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Trả lại anh T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị T1 phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8-Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ngự Thiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhàn